

Bảo vệ quyền của nạn nhân mua bán người: một số vấn đề pháp lý tại Việt Nam

Phan Thanh Thanh

Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Bài viết sẽ phân tích những vấn đề pháp lý trong việc bảo vệ quyền của nạn nhân mua bán người ở Việt Nam bằng việc sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu. Chính phủ Việt Nam đã tích cực phê chuẩn các cam kết ở cấp độ quốc tế và khu vực trong phòng chống mua bán người và đưa ra nhiều cam kết bảo vệ quyền của nạn nhân. Tuy nhiên, pháp luật về phòng, chống mua bán người hiện hành vẫn còn một số hạn chế, trong đó có một số khoảng trống giữa luật phòng, chống mua bán người của Việt Nam với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

1. Mở đầu

Tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền của nạn nhân buôn người đã được khẳng định bằng việc ký kết các công ước quốc tế, các hiệp định đa phương và song phương, sự phát triển của khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các chiến dịch, chiến lược phòng chống mua bán người. Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã tham gia nhiều cam kết cả quốc tế và trong khu vực cũng như từng bước thay đổi Luật Phòng chống mua bán người cho sát hơn với nhu cầu thực tế và chuẩn mực quốc tế. Đây là một điểm rất quan trọng để bảo vệ quyền của nạn nhân cũng như thúc đẩy, tăng cường thực thi các quyền đã được công nhận để bảo vệ tính mạng, danh dự, sức khỏe, nhân phẩm của họ. Những nỗ lực này giúp Việt Nam tăng cường phòng ngừa, truy tố và bảo vệ nạn nhân mua bán người (Dương Kim Anh, 2014; Tucker et al., 2009).

Tuy nhiên, nạn mua bán người (MBN) vẫn tiếp tục xảy ra trong thời gian gần đây do tính phức tạp và nguyên nhân sâu xa của nó. Bài viết này sẽ tìm hiểu và phân tích về pháp luật của Việt Nam về bảo vệ quyền của nạn nhân người Việt Nam bị mua bán (ở phạm vi xuyên biên giới) từ sau khi Luật phòng chống mua bán người 2011 có hiệu lực cho tới nay. Dữ liệu của đề tài này được thu thập thông qua các nguồn thông tin thứ cấp. Các nguồn thứ cấp được thu thập trong nghiên cứu này bao gồm các văn bản chính sách, văn bản pháp luật (Luật phòng, chống mua bán người; Bộ luật hình sự), sách học thuật, bài báo nghiên cứu, báo cáo của chính phủ, số liệu thống kê của chính phủ và phi chính phủ và các phương tiện truyền thông trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây. Cụ thể, kỹ thuật được sử dụng để thu thập số liệu là kỹ thuật phân tích và tổng hợp tài liệu, văn bản về luật của Việt Nam liên quan tới bảo vệ nạn nhân mua bán người.

2. Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của nạn nhân bị mua bán

Tội danh mua bán người được định nghĩa tại Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như sau: a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này. Như vậy, có thể hiểu nạn nhân bị mua bán là người bị bóc lột dưới nhiều hình thức khác nhau như bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc bị mua bán vì mục đích vô nhân đạo khác... Theo Nghị định thư Palermo năm 2000, chỉ cần một trong các hành vi vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích bóc lột là đã cấu thành tội mua bán người trong khi Điều 150 của Bộ luật hình sự Việt Nam thì hành vi trên phải chứng minh được mục đích là “để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác”, “để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác” thì mới cấu thành tội phạm.

Theo Khoản 7 Điều 2 Nghị Quyết số 02/2019/NQ-HĐTP mục đích vô nhân đạo khác là việc sử dụng nạn nhân để làm thí nghiệm, buộc nạn nhân phải đi ăn xin hoặc sử dụng nạn nhân vào các mục đích tàn ác khác. Người sử dụng thủ đoạn môi giới hôn nhân với người nước ngoài cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 150 Bộ luật hình sự nếu như người môi giới biết mục đích của người nước ngoài là lợi dụng hoạt động xem mặt, kết hôn để đưa người được chọn ra nước ngoài nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân đem bán hoặc vì mục đích vô nhân đạo

khác nhưng vẫn thực hiện hành vi môi giới để nhận tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Tuy nhiên, theo Khoản 3 Điều 5 Nghị Quyết số 02/2019/NQ-HĐTP, nếu người/tổ chức môi giới cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài nhưng không nhằm các mục đích trên (như bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể...) thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người mà dựa vào trường hợp cụ thể có thể bị truy tố về tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài/ở lại trái phép.

Đối với hành vi mua bán người chưa đủ 16 tuổi thì sẽ cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi theo Điều 151 của Bộ luật hình sự. Theo Khoản 3 Điều 7 Nghị Quyết số 02/2019/NQ-HĐTP thì trường hợp môi giới nhận con nuôi vì mục đích nhân đạo thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi. Do định nghĩa về trẻ em của luật pháp quốc tế (Điều 1, Công ước Liên hợp quốc về trẻ em 1989 định nghĩa trẻ em là những người dưới 18 tuổi) khác với luật pháp của Việt Nam (Điều 1, Luật trẻ em 2016 định nghĩa trẻ em là người dưới 16 tuổi), việc xác định nạn nhân mua bán là trẻ em của luật pháp quốc tế cũng khác so với luật pháp của Việt Nam (nạn nhân bị mua bán ở độ tuổi 16 và 17 không được xác định là nạn nhân trẻ em tại Việt Nam và do vậy có thể ảnh hưởng tới các quyền lợi của nhóm này). Tuy nhiên, một điểm tiến bộ đó là vào tháng 11 năm 2019, Tòa án Nhân dân Tối cao đã ban hành hướng dẫn bổ sung về thủ tục xét xử các vụ án liên quan đến nạn nhân bị xâm hại tình dục dưới 18 tuổi, trong đó có nạn nhân của nạn mua bán người. Các biện pháp bảo vệ mới bao gồm chỉ định các thẩm phán có kinh nghiệm cho các vụ án và hạn chế việc sử dụng lời khai trực tiếp của nạn nhân, cùng với các biện pháp khác.

Ở cấp độ quốc tế, kể từ khi cam kết chống buôn người với tư cách là thành viên của Nghị định thư chống buôn người năm 2000, Việt Nam tiếp tục tham gia Nghị định thư Palermo vào năm 2012. Ở cấp độ khu vực, Việt Nam đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) mang tên Sáng kiến điều phối cấp Bộ trưởng Mê Kông về chống buôn người (COMMIT) vào năm 2004 giữa các quốc gia Tiểu vùng Mê Kông nhằm giải quyết toàn diện vấn đề buôn người trong khu vực. Tầm quan trọng của Biên bản ghi nhớ này bao gồm việc xác định nạn nhân; Xác định và hỗ trợ nạn nhân của các cơ quan thực thi pháp luật. Tiếp theo đó, Kế hoạch hành động Tiểu vùng IV giai đoạn 2015-2018 nhấn mạnh sự cần thiết của các quy trình và phương pháp nhận dạng nạn nhân được tiêu chuẩn hóa và cấp khu vực để xác định nạn nhân hiệu quả hơn, cũng như hỗ trợ ngắn hạn và dài hạn cho nạn nhân của nạn buôn người. Ngoài ra, Việt

Nam đã ký một số hiệp định với Campuchia, Lào, Thái Lan và Trung Quốc.

Việt Nam cũng đã ký Công ước ASEAN về phòng chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP) ngày 21/11/2015, tạo cơ sở pháp lý quan trọng và chuyên sâu cho các hoạt động hợp tác phòng, chống mua bán người giữa các nước thành viên ASEAN. Việt Nam đã phê chuẩn ACTIP ngày 13/12/2016, chính thức có hiệu lực từ ngày 8/3/2017. Đặc biệt, quy định về bảo vệ quyền của nạn nhân được thể hiện tại Điều 14 và Điều 15 của Công ước này. Cụ thể, có 6 nhóm quyền chính được thể hiện thông qua công ước này. Quyền đầu tiên là xác định danh tính của nạn nhân, được thể hiện tại các Điều 14.1, 14.2, 14.3. Quyền thứ hai là quyền được nhận hỗ trợ bao gồm hỗ trợ nhà ở phù hợp, hỗ trợ vật chất, tư vấn pháp lý, tâm lý, y tế, cơ hội đào tạo nghề... thể hiện tại các Điều 14.10, 14.14, 15.3, 15.4. Quyền thứ hai là quyền được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 14.7 và 14.8. Quyền thứ tư là quyền được an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân quy định tại các Điều 14.4, 14.5, 14.6 và 15.2. Quyền thứ năm là quyền tiếp cận thông tin quy định tại Điều 14.9. Quyền thứ sáu là quyền được bồi thường quy định tại Điều 14.13.

Ở cấp quốc gia, Việt Nam có Luật phòng, chống mua bán người năm 2011, Bộ luật hình sự năm 2015, các Nghị định, Thông tư và các chương trình bảo vệ quyền của nạn nhân. Luật Phòng, chống mua bán người (Luật số 66/2011/QH12) và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định có 4 nhóm quyền cần được bảo vệ của nạn nhân trong các vụ mua bán người bao gồm (1) Quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu của nạn nhân; (2) Quyền được hưởng các chế độ hỗ trợ; (3) Quyền được bảo vệ; (4) Quyền được bồi thường thiệt hại.

(1) Quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu (Điều 24-28, Điều 29 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011); được hồi hương (Điều 24-28, 55 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011). Theo Điều 25 của luật phòng chống mua bán người 2011, các cơ quan, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân bao gồm: Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội gần nơi nạn nhân được giải cứu.

(2) Quyền được hưởng các chế độ hỗ trợ (Khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân), gồm: Được bố trí nơi tạm lánh (Điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011); được hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu, chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn (Điều 6, 32-38 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011). Mới đây, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15-3-2021 của Chính phủ đã điều chỉnh tăng mức hỗ trợ dành cho nạn nhân bị mua bán được chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời tại cộng đồng. Theo Điều 39 của luật phòng chống mua bán người 2011, các cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân; Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú; Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế cho nạn nhân; Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ y tế, hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân.

(3) Quyền được bảo vệ, bao gồm được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân và người thân thích của họ (Khoản 1, 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ đã quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ); được đảm bảo bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; bảo vệ bí mật thông tin cá nhân (Điều 30, 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011); được xét xử kín; được bố trí nơi ở, nơi làm việc, học tập mới (Khoản 6, 8 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP). Các cơ quan thực thi pháp luật cho quyền này bao gồm: Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân; Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Lực lượng Cảnh sát biển; Viện Kiểm sát nhân dân, Viện Kiểm sát quân sự các cấp; Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, Cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

(4) Quyền được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Có thể thấy rằng các quyền cần được bảo vệ của nạn nhân tại Việt Nam khá tương thích với pháp luật quốc tế, thể hiện sự tích cực trong hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người, và chính phủ Việt Nam cũng đã thể hiện quyết tâm chính trị về phòng chống mua bán người thông qua các hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương về phòng, chống mua bán người giữa Chính phủ Việt Nam với các nước.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, Chính phủ Việt Nam đã tích cực phê chuẩn các cam kết ở cấp độ quốc tế và khu vực trong phòng chống mua bán người và đưa ra nhiều cam kết bảo vệ quyền lợi của nạn nhân. Tuy nhiên, pháp luật phòng, chống mua bán người hiện hành vẫn còn một số hạn chế nhất định, trong đó có một số khoảng trống giữa pháp luật phòng, chống mua bán người của Việt Nam với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết./.

Tài liệu tham khảo

Blue Dragon Children's Foundation (2020). The other impact of COVID-19: human trafficking cases are on the rise. <https://www.bluedragon.org/latest-news/the-other-impact-of-covid-19-human-trafficking-cases-are-on-the-rise/>

Dương Kim Anh. 2014. Thúc đẩy việc đánh giá chính sách chống buôn bán người: Chương trình hành động quốc gia chống buôn bán phụ nữ và trẻ em của Việt Nam giai đoạn 2004-2010 (THE VNAP). Luận án Tiến sĩ, Đại học Waikato.

Hoàng Thị Tuệ Phương. 2013. Phân tích Chế độ Bảo vệ Người bị Buôn bán - từ Quốc tế đến Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, khoa luật, Monash University.

Tucker, Charles, Kari Kammel, Heather Lehman, and Elisabeth Ward. 2009. "Analysis of Human Trafficking for Sexual Exploitation in Vietnam and a Comprehensive Approach to Combating the Problem." U.C. Davis Journal of International Law & Policy 16: 437.

UNODC 2020, Impact of the Covid-19 Pandemic on Trafficking in Persons, link https://www.unodc.org/documents/Advocacy-Section/HTMSS_Thematic_Brief_on_COVID-19.pdf

US Department of State 2020, office to monitor and combat trafficking in persons. Trafficking in Persons Report: Vietnam

Quyết định số 2546/QĐ-TTg Phê duyệt chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020